

KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT

QUYỂN 7

Thế nào là giác ý? Sự tu tập của Bồ-tát có bảy Giác ý. Những gì là bảy?

1. Ý giác ý (niệm).
2. Trạch pháp giác ý.
3. Tinh tấn giác ý.
4. Hỷ giác ý.
5. Tín (khinh an) giác ý.
6. Định giác ý.
7. Hộ (xả) giác ý.

Sao gọi là Ý giác ý? Suy nghĩ về pháp để quan sát kinh, xét kỹ về kinh điển để tư duy đúng pháp, khen ngợi người chuyên chú để tự xét về tâm ý mình, tướng của các pháp không thể nắm bắt được, nên hiểu rõ về điều này. Sao gọi là các pháp không có tướng? Vì tướng ấy là như nhiên, tất cả các pháp đều không. Có thể thấu rõ về giác niệm như thế. Đó gọi là Ý giác ý. Sao gọi là Trạch pháp giác ý? Nếu có thể phân biệt tám vạn bốn ngàn kho pháp của các kinh, lựa chọn các pháp thích ứng với nghĩa lý. Nếu không thích ứng với nghĩa lý thì khiến quy về với nghĩa chánh, hoặc không nghĩa chánh, nghĩa gần, nghĩa xa, nghĩa thanh tịnh, nghĩa thâm sâu, hoặc Đệ nhất nghĩa đế, hiểu rõ ràng về diệu lực của pháp hòa hợp, phân tán, chắc chắn, không chắc chắn đều có thể lựa chọn, biết được gốc ngọn của chúng. Đó gọi là Trạch pháp giác ý.

Sao gọi là Tinh tấn giác ý? Nếu dùng ý này để giảng thuyết chánh pháp thì dốc thâm tóm niềm tin, quyết định, giữ gìn trí tuệ bậc Thánh, dùng năng lực vi diệu để nhận thức một cách chính xác, đúng đắn không gì có thể gây trở ngại, siêng năng tu tập các pháp bình đẳng ấy. Đó gọi là Tinh tấn giác ý.

Sao gọi là Hỷ giác ý? Ưa thích chánh pháp, dốc lòng tin tưởng không xa lìa, thường vui vẻ không khiếm sợ, thân, khẩu, ý luôn được an ổn, tư duy về đạo pháp, dứt hết các hoạn nạn thuộc ái dục. Đó gọi là Hỷ giác ý.

Sao gọi là Tín (khinh an) giác ý? Nếu đã có niềm tin thì vĩnh viễn xa lìa những ái dục, phiền não của thân tâm, tâm an trụ vào thiền định. Đó gọi là Tín giác ý.

Sao gọi là Định giác ý? Nhờ thiền định nên thấu đạt các pháp, phân biệt nhận biết trí tuệ của bậc Thánh, tâm được thuần nhất, hiểu rõ các pháp, các căn lanh lợi, đoạn dứt các tà kiến điên đảo, trụ mà không trụ, nhờ định mà đạt đến nghĩa này, hiểu không có ngã, ngã sở vì các pháp bình đẳng. Đó gọi là Định giác ý.

Sao gọi là Hộ (xả) giác ý? Như có thể tư duy phân biệt về pháp giới thì tâm không giống ruồi, nường vào các pháp thế tục, tâm không giới hạn, không bị các pháp thế tục làm mê hoặc, không chấp trụ vào giả danh, không gì có thể lay động, không suy nghĩ, không nhớ, không vui, không buồn. Do đó, nên chứng được quả vị bậc Thánh, luôn thuận hợp với pháp nhãn. Đó gọi là Hộ giác ý.

Bảy giác ý này là không cùng tận.

Sao gọi là chánh kiến? Bậc Hiền thánh vượt khỏi thế gian, không còn chấp nơi ngã, ngã sở, không chấp vào nhân, thọ mạng, không bị vướng mắc vào sự nhận thức, không trụ vào hữu kiến, vô kiến, không trú vào gốc công đức, không rơi vào luật nghi của sáu mươi hai thứ tà kiến. Đó gọi là chánh kiến.

Sao gọi là chánh niệm (tư duy)? Chúng sinh bị niệm theo các phiền não tham, sân, si che lấp. Người học hạnh Bồ-tát thì không tưởng niệm như thế, chỉ niệm về các pháp như giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đã được chỉ bày, thường nhất tâm nghĩ nhớ về nghĩa lý của đạo, tức tâm không sai lệch. Đó là chánh niệm.

Sao gọi là chánh ngữ? Lời nói không chấp nơi mình, không chấp nơi người, nói năng hòa nhã, không thô ác, dùng lời nói để giảng giải giáo pháp, hội nhập đạo của bậc Thánh. Chẳng bàn luận về thế gian, nói lời không lợi ích. Đó là chánh ngữ.

Sao gọi là chánh tri (mạng)? Trong sự tu tập thì các nghĩa về tội phước, không nên theo pháp ấy mà chỉ tu theo nghĩa lý của chánh đạo bình đẳng. Đó gọi là chánh tri.

Sao gọi là chánh nghiệp? Những lời dạy của bậc Thánh đem lại nhiều an lạc, biết đủ, ít ham muốn, không tham lợi dưỡng, tâm không dua nịnh, không buông lung, tu tập đúng pháp, gìn giữ oai nghi, thấy người khác được cúng dường thì không ganh ghét nên suy nghĩ: Ta đã

được an ổn, đầy đủ không nên gây tạo lỗi lầm, thực hành theo lời dạy của Phật. Đó gọi là chánh nghiệp.

Sao gọi là chánh tiện (tinh tấn)? Tu tập theo phương tiện nơi giáo pháp chân chánh, không từ nơi các ái dục, tham, sân, si để nhiễm đấm. Thường xa lìa các thứ phiền não ấy, vui thích đạo của bậc Thánh để đạt đến nghĩa lý Niết-bàn vô vi, luôn suy nghĩ về cảnh giới này. Đó là chánh tiện.

Sao gọi là chánh ý (niệm)? Ý ấy an trú chân chánh, không cảm thọ, chẳng dua nịnh, thấy được hoạn nạn của sinh tử, một lòng tư duy về đạo lý vô vi, không quên mất con đường đi của bậc Thánh hiền. Đó là chánh ý (niệm).

Sao gọi là chánh định? Do thiền định nên tâm được bình đẳng, vì thế các pháp đều bình đẳng. Các pháp ấy ở nơi chánh định để kiến tạo bình đẳng. Nếu có Bồ-tát an trú nơi định này mà tu tập dốc độ thoát hết thủy chúng sinh thì luôn gắn liền với chánh tuệ. Đó là chánh định không cùng tận. Các Đức Phật thời quá khứ, vị lai và hiện tại đều đi trên con đường ấy. Nếu có Bồ-tát thuận theo lời dạy này mà tu tập, giảng thuyết thì đó gọi là tám con đường không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Sự quán xét vắng lặng của Bồ-tát cũng không cùng tận. Thế nào là vắng lặng? Tâm của vị ấy an nhiên, tịch tĩnh, các căn chẳng loạn động, nhất tâm không vọng tưởng, khiến tâm tánh luôn an ổn, không vội vàng, không hấp tấp, thường suy nghĩ rõ ràng, xả bỏ những ý niệm trái nghịch, vui với Đệ nhất nghĩa đế, diệt trừ các sự ồn ào, ưa thích chốn nhàn tĩnh. Thân ấy vắng lặng, tâm chưa từng vang động, luôn suy nghĩ về sự an định, không có các việc ác, không che giấu lỗi của mình, không rơi vào tà kiến, biết dừng lại, tâm ý vắng lặng, oai nghi đầy đủ, không vượt qua phép tắc, biết thuận theo thời, hành động ứng hợp với nghĩa lý, cúng dường đúng chánh pháp, tập hợp được diệu lực nơi công đức mà không tự đại, không cậy vào danh tiếng đã có. Tâm vị ấy luôn tinh chuyên, ưa thích ở một mình, nhất tâm thiền định, phát khởi tâm Từ, thực hành tâm Bi, tu tập hạnh Hoan hỷ, phụng hành pháp quán Xả bỏ. Từ Thiền thứ nhất đến pháp môn Định ý không thể nghĩ bàn. Đó là vắng lặng. Lại nữa, chỗ tạo tác nơi sự vắng lặng ấy là không thể suy lường. Nếu có thể thông suốt về chỗ tạo tác ấy thì gọi là sự vắng lặng.

Sao gọi là quán? Trí tuệ phân biệt về đạo pháp để phụng trì tu tập. Quán không ngã, không nhân, không thọ, không mạng. Quán thân năm ấm, bốn đại, mười hai nhập giống như sự tích tụ không thật, phân

biệt đầy đủ để quán xét nhận biết về mười hai duyên khởi thuận hợp không loạn động, lia bỏ các kiến chấp thấy rõ về quả báo, biết quả của nhân duyên là biết rõ về quả của công đức, chỗ tạo tác được nhận biết rõ ràng là nhập vào nẻo chánh chân. Đã có thể nhập vào trong ấy thì phải xét kỹ về trí tuệ của bậc Thánh. Gọi là quán vì ánh sáng nơi pháp bình đẳng, chỗ thấy các pháp ấy theo sự quán xét kỹ, đúng đắn, không thấy theo pháp khác, chỉ thấy ở ba cửa giải thoát này là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Sở dĩ gọi quán là vì không thấy có nơi chốn, nhà cửa, cũng lại không phải là không thấy, để khởi lên sự phân biệt, không bị chi phối theo vọng tưởng, điên đảo. Đó gọi là quán, vĩnh viễn không có đối tượng được thấy. Giả sử không có đối tượng được thấy, đó gọi là quán. Ở nơi các đối tượng được thấy mà không vướng chấp nơi chỗ thấy, đó gọi là quán. Người thấy như vậy, gọi là thấy chân đế, mới có thể thấu tỏ thuận theo lời dạy của Phật. Người thấy như vậy là Bồ-tát, không rơi vào hạnh tà, không trụ ở hạnh chánh. Đó là quán. Đây gọi là Bồ-tát hành chánh quán vắng lặng không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Biện tài, Tổng trì của Bồ-tát không cùng tận. Sao gọi là tích lũy công đức của Tổng trì? Tư duy về nghiệp lớn, giữ gìn, đọc tụng tám vạn bốn ngàn các phẩm của pháp tạng, suy nghĩ, ghi nhớ, không xả bỏ sự tinh tấn, đó gọi là Tổng trì (Đà-la-ni). Lại nữa, tổng thì có thể nhận lãnh các pháp nơi Đức Phật đã thuyết giảng. Lời nói, văn tự của các chúng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đã giảng thuyết cho chúng sinh với mọi thứ nghĩa lý đều có thể nhận biết, ghi nhớ, đó là Tổng trì. Giả sử vào kiếp thiêu, trời đất gặp nạn lửa lớn, tất cả đều diệt tận, Bồ-tát tuy gặp nạn này nhưng trong tâm vẫn nhớ nghĩ về pháp Tổng trì, chưa từng quên mất, cũng không mê loạn. Nhờ tuệ nhãn của bậc Thánh nên thấy các pháp như xem xét lòng bàn tay. Đó là Tổng trì không cùng tận.

Sao gọi là biện tài không cùng tận? Nghĩa là sự biện luận, chỗ nói ra luôn thuận hợp. Như khi giảng thuyết thì không ai có thể chế ngự bắt bẻ, nên thấu đạt biện tài không hề gián đoạn, âm từ vô hạn, đối đáp hợp căn cơ, thông suốt như nước không chút chướng ngại. Nhờ từ đời trước đã tạo hạnh thanh tịnh, nên đạt quả báo là biện tài này, được chư Phật hộ trì, chư Thiên bảo vệ. Bồ-tát đã giảng thuyết thì hoàn toàn chân thật, lời nói không gì có thể ngăn ngại, luôn hướng đến đạo giải thoát, biện tài như vậy đều được trọn vẹn, thường hết mực khiêm tốn,

thích hợp căn cơ của mọi chúng sinh để thuyết pháp cho họ. Có người nghe được những điều này, đều lãnh hội đầy đủ, không còn nghi ngờ. Có người đến hỏi, ta nên giảng giải đúng như vậy. Nơi các chúng hội đều xem xét kỹ về căn cơ của con người, để phát tâm thuyết giảng. Từ xưa đến nay Bồ-tát sinh vào nhân gian, tâm tánh luôn chân chánh, giảng nói kinh điển trong một kiếp chưa từng dừng nghỉ. Chỗ giảng giải ấy không hề bị chướng ngại. Đó là biện tài không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Lại có Bồ-tát thuyết giảng tất cả các pháp đều quy về vô thường, vạn vật chẳng phải là ta có, trí tuệ để nêu giảng ấy là không cùng tận. Tất cả các pháp đều là khổ, là vô ngã. Bồ-tát giảng nói về điều này cũng không cùng tận.

Thế nào là vô thường? Quán xét nơi gốc ngọn của sự vật đều trở về vô thường, không thể phán đoán. Sự vô thường ấy là không thể khiến cho thường còn. Từ xưa đến nay không gì là còn mãi. Đó là nghĩa vô thường.

Thế nào là nghĩa khổ? Tuy có niềm vui nhưng rồi cũng mất, ước nguyện không tồn tại dài lâu, luận bàn về các khổ, đều hướng về không, vô. Không, vô ấy cũng là hư giả, không thật. Nghĩa hư giả và khổ là như nhau không sai khác.

Thế nào là vô ngã? Đối với ngã là không có ngã, vĩnh viễn không có gốc ngọn, thân ấy cũng là rỗng lặng, tịch tĩnh, không quan hệ. Có người cho hư không ấy và nghĩa không đều là không có thân.

Thế nào là nghĩa tịch tĩnh? Đối với vắng lặng mà không vắng lặng, mới gọi là tịch tĩnh. Người được giải thoát, đối với sự an nhiên mà không chấp vào an nhiên mới gọi là tịch tĩnh. Người được gọi giải thoát là tu tập ở chỗ vắng lặng, trừ diệt tất cả tướng, trừ các tướng rồi thì đấy là sự vắng lặng của Niết-bàn giải thoát. Đây gọi là nghĩa hoàn toàn vắng lặng. Đó là Bồ-tát thực hành pháp bốn Đế không cùng tận.

Nẻo hành của Bồ-tát thường tu một đạo, không theo hành khác. Sao gọi là đạo Nhất thừa? Bồ-tát tự mình tu tập, với những nỗ lực tự thân để thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mặc áo giáp đức lớn, tự thân thâm tóm uy lực của tinh tấn vượt bờ, riêng tự mình tu học, không theo lời dạy của người khác. Vị đó vượt qua mọi uy lực của thế tục, một mình bước đi, mặc áo giáp đức lớn hết mực kiên cố, dùng việc này để mở bày hóa độ tất cả chúng sinh. Đó gọi là giáo hóa. Giáo pháp đem nêu giảng là giáo pháp của các bậc Hiền thánh được truyền trao cho Bồ-tát. Sự giảng dạy ấy cũng gọi là giáo hóa. Bồ thí chẳng

phải là bạn của ta. Ta là bạn của bố thí. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ chẳng phải là bạn ta. Ta là bạn của trí tuệ, cũng lại không chấp trụ vào sáu pháp Độ vô cực. Ta tùy thuận phụng hành sáu pháp Độ vô cực, hành bốn Ân (bốn Nhiếp pháp) không phát khởi ý niệm ta, tôi, nên kiến lập, thâm giữ bốn Ân. Nói tóm lại, gốc của công đức thiện không thể xây dựng trên ngã. Ta nên xây dựng, thâm tóm các gốc công đức. Trong thời tượng pháp, như vậy, không có bạn tu, nên tự sống một mình, an trú trong đạo tràng kim cang, dùng diệu lực của tự thân để hàng phục các ma. Chỉ trong một khoảnh khắc phát tâm liền thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là đạo Nhất thừa không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Phương tiện quyền xảo của Bồ-tát cũng không cùng tận. Thế nào là phương tiện quyền xảo? Chư Phật, Thế Tôn luôn thích ứng với hoàn cảnh, căn cơ, từ chỗ được gặp đạo pháp, có đối tượng được giáo hóa, liền dùng phương tiện quyền xảo để phát huy tâm đạo. Phương tiện quyền xảo ấy là nhân nơi hư không mà phát sinh, nên không có giới hạn, tùy theo tâm tánh, khiến đạt được sở trường. Phương tiện quyền xảo ấy tức có thể tu tập đầy đủ sáu pháp Độ vô cực. Nơi chốn sinh ra, nhờ vào phương tiện quyền xảo để thực hành giới, bố thí, nhẫn nhục, hộ trì thân, khẩu, ý, chứng đắc Phật đạo, không hề phế bỏ tinh tấn. Người không có phương tiện quyền xảo thì trái với tinh tấn. Phương tiện quyền xảo ở nơi nhất tâm thì chuyển tiến đến trí tuệ của bậc Thánh, nếu không như vậy thì tâm tán loạn. Phương tiện quyền xảo nơi trí tuệ thì không hề lia bỏ khổ nạn nơi sinh tử, luân hồi. Phương tiện quyền xảo ở tâm Từ là làm nhiều việc cứu giúp, nuôi dưỡng, trừ bỏ những điều bất nhân. Phương tiện quyền xảo nơi Bi là không nhằm chán sinh tử, mở bày, hóa độ muôn loài. Phương tiện quyền xảo nơi Hỷ là không ham thích những ưa muốn. Phương tiện quyền xảo nơi Hộ (xảo) là tu tập các công đức mà không mong nắm giữ trở lại. Phương tiện quyền xảo nơi Thiên nhãn là đạt được mười nhãn của Phật, thấy suốt khắp mười phương, không biên giới. Phương tiện quyền xảo nơi Thiên nhĩ là được mười nhĩ của Phật, nghe âm thanh của cả mười phương, tâm nhớ nghĩ đến hình tượng. Phương tiện quyền xảo nơi sự nhận biết là thấy được căn cơ của chúng sinh hiểu rõ về gốc ngọn. Phương tiện quyền xảo nơi phương tiện là nhớ nghĩ về các sự việc đời quá khứ, thấy được nghĩa

lý của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Phương tiện quyền xảo ở thân thông là đối với nơi chốn đi đến không có giới hạn, để giáo hóa khắp chúng sinh trong mười phương. Phương tiện quyền xảo nơi phương tiện nhận biết tâm tánh của chúng sinh, tức tùy theo đó mà khéo léo dẫn dắt, giúp đỡ họ. Phương tiện quyền xảo ở sự tu hành là hiểu biết về chỗ khởi đầu, kết thúc nơi hành tướng của con người. Phương tiện quyền xảo nơi hóa độ là vượt qua cõi này, đạt đến bờ kia. Phương tiện quyền xảo nơi nhập thế là giáo hóa chúng sinh bị cuốn theo ái dục, khiến họ không còn mọi cấu uế. Phương tiện quyền xảo nơi việc bỏ gánh nặng xuống là từ bỏ hết những tai ương của năm ấm. Phương tiện quyền xảo nơi giới hạn hành hóa là sự thuyết giảng không thể nêu bày hết, dùng các thứ hữu hạn mà giảng nói về vô hạn. Phương tiện quyền xảo nơi sự khuyến hóa là giáo hóa những kẻ căn cơ yếu kém, dẫn dắt người biết chỗ tiến lùi, khiến họ phát tâm rộng lớn không cùng tận. Dùng phương tiện quyền xảo để nhận biết về hoàn cảnh, thời tiết, căn cơ, mọi lúc, khi tăng, khi giảm, tới, lui, không phải thời, đúng thời. Nhờ phương tiện quyền xảo mà thấu rõ con đường chánh. Đối với chúng sinh đi vào ngõ tà trụ nơi đường tà thì dốc giáo hóa, dẫn dắt họ trở về với chánh đạo. Dùng phương tiện quyền xảo, có thể khiến những tâm nhỏ hẹp biến thành tâm rộng lớn nếu đã lớn mạnh thì có thể khiến thành vô hạn. Dùng phương tiện quyền xảo để khuyến khích những người hay tranh cãi nên hòa hợp, làm bạn với nhau. Dùng phương tiện quyền xảo, đối với các hạng căn trí thấp, theo Tiểu thừa thì khiến họ trụ nơi giáo pháp vi diệu. Nhờ phương tiện quyền xảo mà đạt đến Niết-bàn, trở lại trong sinh tử để độ hết chúng sinh. Nhờ phương tiện quyền xảo để cởi bỏ bao thứ lưới trói buộc, che lấp. Nhờ phương tiện quyền xảo, nên có thể trừ diệt mọi kết sử, tâm chí được hiển nhục. Dùng phương tiện quyền xảo nên thường ở chỗ vắng lặng mà không rơi vào ngõ diệt tận. Nhờ phương tiện quyền xảo nên có thể hiểu rõ về tất cả sự tu tập, nên oai nghi, hành động luôn thích hợp. Nhờ phương tiện quyền xảo, quán thấy tất cả chúng sinh không hủy hoại giới pháp, thường thuận theo giới cấm. Nhờ phương tiện quyền xảo nên thâm giữ được tất cả mà không tranh chấp. Nhờ phương tiện quyền xảo mà phát triển đạo pháp rộng khắp mười phương. Nhờ phương tiện quyền xảo nên một mình đi vào ba cõi mà không bị hoạn nạn. Nhờ phương tiện quyền xảo nên đạt được pháp môn giải thoát, đạt đến ngõ “Không chốn hành”. Dùng phương tiện quyền xảo nên không bỏ hạnh của bậc Thánh, tuy ở trong thế gian

nhưng không bị khách trần lồi cuốn. Nhờ phương tiện quyền xảo, nên cùng với đạo hội nhập, hợp với giáo pháp. Dùng phương tiện quyền xảo là xả bỏ vô vi, có thể đi vào sinh tử để cứu độ mọi hoạn nạn. Nhờ phương tiện quyền xảo, nên đối với cảnh giới ma, chiếu soi rõ về nguồn gốc của ái dục, phiền não. Dùng phương tiện quyền xảo để xét rõ về chúng sinh, không có chúng sinh, cũng không phải là không có. Đó gọi là chỗ hành theo phương tiện quyền xảo của Bồ-tát, nhập vào chốn không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Nẻo hành của Bồ-tát là tám mươi phẩm không cùng tận. Chư Phật Thế Tôn đều từ tám mươi pháp không cùng tận này mà sinh ra.

Khi Bồ-tát A-soa-mạt giảng nói về pháp môn không cùng tận này thì có bảy vạn tám ngàn người, từ xưa đến nay chưa từng phát tâm Bồ-đề, liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Năm vạn hai ngàn Bồ-tát tức thời chứng được pháp Nhẫn vô sinh. Tất cả chư vị nơi chúng hội đều dùng vô số các loại hoa, hương, các lọng hoa báu, dâng lên cúng dường Đức Phật và Bồ-tát A-soa-mạt, tất cả đều cung kính phụng hành kinh điển thiết yếu này. Chư Thiên ở giữa hư không liền tấu nhạc trời, phát ra âm thanh tán thán Đức Phật:

–Đức Thế Tôn, từ vô số kiếp đã tích lũy công đức, tự thành Chánh giác, độ khắp muôn loài. Nay Bồ-tát A-soa-mạt đã khen ngợi kinh điển, diễn giảng, nêu rõ về nghĩa lý không cùng tận. Nếu có người nghe được kinh điển thiết yếu không cùng tận này mà tâm không nghi ngờ, lại tin tưởng, giữ gìn đọc tụng, vì người khác giảng nói, dốc lòng tin nơi sự giảng dạy của Phật thì sẽ đạt được công đức không cùng tận như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật lấy y của mình trao cho Bồ-tát A-soa-mạt và khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Ông đã khéo giảng nói kinh này, Như Lai rất vui mừng, chư Phật hiện có trong mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng đồng khen ngợi.

Bồ-tát A-soa-mạt nhận lãnh tấm y của Đức Phật trao, đội trên đầu, bạch Phật:

–Tấm y này của Đức Phật con xin hết sức quý trọng, ngày đêm giữ gìn. Vì đó là y phục của vô lượng chư Phật, Thế Tôn mà hàng trời, người đều ủng hộ.

Ngay lúc ấy, khắp mười phương đều có cờ lọng, phướn báu tự nhiên xuất hiện, che phủ phía trên Bồ-tát A-soa-mạt. Trong các vật báu ấy tự nhiên phát ra âm thanh diễn nói như vậy:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát A-soa-mạt có khả năng giảng thuyết về pháp môn vô tận này, mười phương chư Phật đều cùng khen ngợi.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Hôm nay những vật báu: y phục, dù lọng, cờ phướn kia, từ đâu đến mà phát ra âm thanh như thế?

Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Những chúng sinh trước đây được giáo hóa trong chúng hội của Bồ-tát A-soa-mạt đã phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị ấy, ở khắp mười phương đều thành Chánh giác. Hôm nay, Như Lai bảo họ đến đây để cúng dường, báo đáp ân đức nơi vị Bồ-tát đã tuyên giảng phẩm Hồng nghiệp đại hội nhằm để cúng dường kinh điển nên đã hiện ra các thứ hình tướng che phủ ở trên.

Khi ấy, chúng hội thấy sự biến hóa ấy, lại nghe Phật nói như vậy, lại càng tăng thêm sự cung kính đối với Bồ-tát A-soa-mạt. Họ hết sức vui mừng, suy nghĩ: Chúng ta được lợi lớn là nhờ phước đức sâu dày từ đời trước mới được gặp Bồ-tát A-soa-mạt, đánh lễ, thưa hỏi và nghe pháp này với phước đức không cùng tận. Giả sử có người được nghe danh hiệu của Bồ-tát A-soa-mạt thì phước đức đã không thể hạn lượng huống chi còn được thấy mặt, quy y, nghe giảng kinh pháp, được chư Phật đại Thánh khen ngợi, khuyến khích thì đâu phải là việc tầm thường!

Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ, tu học theo thừa Bồ-tát, khi thấy chư Phật Thế Tôn trụ ở đời một kiếp thì cùng nhau cúng dường vật hiện có, phụng hành giới cấm không hề hủy phạm. Giả sử gặp sự thống khổ của con người càng nhiều, họ đều chịu đựng, luôn luôn tinh tấn thực hành, như cứu lửa cháy đầu, thiền định nhất tâm không hề tán loạn, thường dùng trí tuệ quan sát, không để quên mất, cung kính phụng hành theo chư Phật như thế là trọn kiếp. Lại có thiện nam, thiện nữ nghe kinh điển này, dốc lòng tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, siêng năng tu tập, rõ biết chỗ tiến lùi tại tâm. Đức Phật khen ngợi sáu pháp Độ vô cực này đều là những con đường hoàn toàn mau chóng để đạt đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì nếu có Bồ-tát đọc tụng kinh điển này tự tâm khởi ý niệm: “Ta học kinh này,

dốc vì người khác giảng nói”. Đó gọi là có thể hoàn thành đầy đủ pháp bố thí vượt bờ. Vì sao? Vì người thọ trì kinh này, xét trong các phương thức bố thí thì bố thí pháp là trên hết, gần với Phật đạo. Nếu thực hành đầy đủ pháp Trì giới độ vô cực thì người hành trì không bị trái phạm, các hạnh nghiệp luôn trọn vẹn. Đó gọi là Trì giới độ vô cực. Vì sao? Vì khi Bồ-tát giảng nói kinh này với đầy đủ giới cấm thì tất cả chúng sinh cũng không thể không xưng tán, nên công đức tích tập cũng không thể nói hết. Giả sử Bồ-tát nhẫn chịu tất cả những sự quý hiếm, phá hoại mà tâm vẫn không dấy khởi, cũng chẳng bằng đọc tụng kinh điển này, lại vì người khác giảng nói, lấy đó làm trí tuệ thực hành để có được đầy đủ Nhẫn nhục độ vô cực. Thân, miệng, ý thường hành tinh tấn, mong muốn độ thoát chúng sinh chưa từng chán bỏ. Đó gọi là Tinh tấn độ vô cực. Luôn chuyên chú, siêng năng, ở nơi kinh này tư duy không loạn động, đạt được thiền định nhất tâm, đó là Thiền định độ vô cực. Đối với kinh điển này, dùng trí tuệ quan sát về hiện tại, với nghĩa lý đúng sai để biết phương hướng hành trì. Đó là Trí tuệ độ vô cực.

Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Nếu có người chuyên cần tu học kinh này, chỉ từ các việc làm nhỏ nhặt mà có được đầy đủ sáu pháp tu vượt bờ của Bồ-tát. Vì vậy, cần phải quán xét điều ấy. Hoặc có Bồ-tát thọ trì kinh điển, đọc tụng, biên chép trên tre, lụa, đóng thành quyển, nhờ đó mà tóm thâu tất cả các pháp, hoặc cung kính giữ gìn kinh điển của chư Phật, giả sử thân tứ đại bị tan hoại thì cũng không làm lay chuyển tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì kinh này được gọi là Pháp ấn của Bồ-tát mong cầu được ấn chứng. Nếu có người phụng trì ấn này thì có thể xem là người đã dốc phụng trì, thực hành tất cả pháp của chư Phật.

Khi ấy, Bốn Thiên vương cùng với quyến thuộc đều bỏ hết binh khí, chấp tay bạch Phật:

–Bốn Thiên vương chúng con là đệ tử của Phật, nhờ chứng được quả Dự lưu nên có thể đảm nhận sự việc cúng dường, bảo vệ cho các hàng thiện nam, thiện nữ, những người thọ trì, đọc tụng, phụng hành kinh này như giữ gìn chư Phật. Vì sao? Vì tất cả các thừa đều từ kinh này sinh ra.

Khi ấy, trời Đế Thích đến trước Phật, thưa:

–Luôn theo Đức Như Lai để thưa hỏi, thọ nhận kinh điển, số ấy có đến trăm ngàn người, nhưng họ chưa từng được nghe ý nghĩa của kinh này để thông đạt về diệu lý, không còn nghi ngờ. Con đã từng

cùng với chư Thiên cõi trời Đao-lợi luôn luôn được lãnh hội chánh pháp nhưng chưa từng gặp kinh này. Thế nên nếu có người ở nơi các xóm làng, huyện, quận, thành phố khắp cả nước, giảng thuyết kinh ấy thì nên đến đó để lãnh hội, thưa hỏi, ủng hộ Pháp sư. Do vậy, người nêu giảng kinh sức lực sẽ tăng thêm, tinh tấn, vững chí, không khiếp sợ, biện tài luôn thông suốt, một mình không sợ hãi. Thiện nam này do tâm không hề khiếp sợ, nên một mình giữa chúng hội hay ở chốn vắng vẻ, giảng thuyết rộng khắp về kinh này.

Đức Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Này Câu Dực! Nếu ông phát tâm dũng mãnh nhằm ủng hộ Pháp sư, tạo sự vui thích, khiến vị ấy dốc sức tinh tấn, vượt mọi khó khăn.

Đức Phật lại bảo Câu Dực:

–Nếu ông hộ trì Pháp sư tức là giữ gìn kinh này. Do hộ trì kinh này nên có thể cứu giúp đối với tất cả chúng sinh.

Khi ấy, Thiên vương Phạm Nhẫn đến trước chỗ Phật, thưa:

–Con sẽ xả bỏ những hoạn lạc ở cõi Phạm thiên, tâm luôn thực hành thiền định tư duy, đến chỗ Pháp sư để nghe giảng kinh pháp, hộ trì Pháp sư, hiện bốn điều lành làm cho vị Pháp sư ấy nhận biết. Những gì là bốn?

1. Khiến cho chúng hội thấy được ánh sáng vi diệu.
2. Được ngửi thấy mùi thơm của chư Thiên.
3. Những lời thuyết giảng của Pháp sư luôn lưu loát, không trở ngại.
4. Câu chương, nghĩa lý, thứ tự không chống trái nhau.

Đó là bốn việc.

Khi thuyết giảng kinh này, tâm không vọng tưởng, dùng trí tuệ để biện luận, tất cả chúng hội đều chú ý lắng nghe, không loạn động, tâm ý nhớ nghĩ về pháp, một lòng lắng nghe kinh. Do bốn việc ấy mà được trí tuệ, nên chư Thiên và quyến thuộc đều có mặt ở chúng hội đó.

Khi ấy, ma Ba-tuần đến trước Phật thưa:

–Do kinh này làm cho tôi trở nên yếu kém, không còn một chút thế lực. Nếu có Bồ-tát lãnh hội kinh ấy thì chắc chắn sẽ thọ trì, vào trong cõi nào đều được thấy kinh như thấy Phật. Bạch Thế Tôn! Hôm nay, tôi thấy rõ uy thần nơi diệu lực của Bồ-tát A-soa-mạt nên đã dứt bỏ mọi thứ cao ngạo, tự đại. Vì sao? Vì nhờ kinh này mà dấy khởi sự ủng hộ, bảo vệ Pháp sư. Từ nay, tôi tự giữ gìn, không dám trái phạm

giáo pháp. Những nơi được lưu truyền và thực hành kinh ấy, tôi đều ủng hộ, không còn quấy phá nữa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Hiền giả A-nan:

–Hiền giả nên dốc sức thọ trì, đọc tụng và vì người khác thuyết giảng kinh này, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin dốc tâm thọ trì, đọc tụng kinh ấy, nhưng không có khả năng làm cho kinh được lưu truyền khắp nơi như các vị Bồ-tát khác.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Hiền giả cứ yên tâm! Từ đây, sẽ có người truyền bá kinh này. Hôm nay, trong chúng hội có các Bồ-tát lo giữ việc hộ trì chánh pháp, sẽ làm cho đạo pháp được lưu truyền rộng khắp.

Bấy giờ, trong chúng hội có sáu mươi ức các vị Bồ-tát, từ chỗ ngồi đứng dậy, muốn hộ trì chánh pháp, liền đến trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin cùng nhau thọ nhận phẩm Đại hội pháp của kinh này, tùy thời lưu truyền khắp mười phương và chúng sinh nơi cõi Ta-bà đều được nhờ vào ân đức ấy. Bồ-tát Di-lặc, bậc Nhất sinh bổ xứ giữ việc bảo vệ kinh điển sẽ giảng thuyết rộng rãi những điều cốt yếu của kinh ấy. Sau khi Phật diệt độ, nếu có Bồ-tát ở trong thời kỳ mạt pháp, gồm đủ năm thứ ô trược, mà được nghe, thọ trì, đọc tụng kinh này thì nên biết đó là do có sự biến lập của Bồ-tát Di-lặc.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi các vị Bồ-tát:

–Lành thay, lành thay! Các ông ở trước Như Lai mà tự nêu bày, nhằm hộ trì chánh pháp tức là ủng hộ chánh pháp của hằng hà sa số chư Phật trong mười phương.

Bấy giờ, Bồ-tát A-soa-mạt đến trước Đức Phật, bạch:

–Nguyện xin bậc đại Thánh tha thứ, vì con sức kém, trí mỏng, nên sự giảng thuyết về câu nghĩa của kinh điển không đầy đủ. Cúi xin Thế Tôn bỏ qua những lỗi lầm, để con có thể sánh cùng với các Bồ-tát, phụng hành pháp vô tận.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-soa-mạt:

–Ông thuyết giảng pháp theo thứ tự, câu nghĩa không “chỗ” nào trái với đạo lý, hết thấy đều thông suốt, không ngăn ngại. Nếu có Bồ-tát nào không bị phiền não ngăn che thì sự thuyết giảng về đạo lý không hề thiếu sót, luôn phân biệt, xét rõ về nghĩa lý của kinh như đã

nêu. Huống chi, hiện tại Bồ-tát đã thông suốt kinh điển này, tiêu biểu là thông đạt về các pháp Độ vô cực sao lại nói là không sánh kịp. Nay, Bồ-tát A-soa-mạt đã đạt được bốn thứ phân biệt, trí tuệ, biện tài, thấu suốt, tự tại, đối với pháp Đại thừa, khỏi phải nương tựa, một mình an nhiên, giảng thuyết chắc chắn các điều nghi ngờ, đạt đến bờ giải thoát. Nếu có Bồ-tát an trú nơi quả vị này thân, miệng, ý hoàn toàn thanh tịnh, dùng Nhất thiết trí ở hàng đầu, thấu rõ tất cả, hành động nơi ba nghiệp đều hoàn bị, vô số trăm ngàn ức chư Phật trong mười phương đều khen ngợi sự giảng thuyết giáo pháp của ông. Hôm nay, Như Lai biểu dương sự giảng thuyết thông đạt, không thiếu sót ấy và chư Phật khắp mười phương cũng như vậy.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì? Làm sao tụng hành?

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Kinh này gọi là Sự Giảng Thuyết Về Văn Từ Nghĩa Lý Không Cùng Tận Của Bồ-tát A-soa-mạt. Gọi tắt là phẩm A-soa-mạt. Nay Hiền giả A-nan! Nếu có người thọ trì kinh này thì tâm ý người ấy trở nên sáng suốt, nhận thức về nghĩa lý rõ ràng, công đức chân chánh tăng lên trăm ngàn lần, lại vì người khác thuyết giảng tức là đã tạo lập được Phật sự.

Phật thuyết giảng kinh ấy rồi, Bồ-tát A-soa-mạt, Hiền giả A-nan, các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần đều hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

